

Bản án số: 24/2017/KDTM-ST

Ngày 08 tháng 9 năm 2017

Tranh chấp hợp đồng đào xúc đất,
vận chuyển và cho thuê thiết bị.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- *Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Huỳnh Tiến
2. Ông Huỳnh Thanh Trà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Ly Na- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu- TP Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2017/TLST-KDTM ngày 06/01/2017 về tranh chấp hợp đồng đào xúc đất, vận chuyển và cho thuê thiết bị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐST-KDTM ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng- Thương mại Vận tải - Tư vấn H. Mã số doanh nghiệp: A có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Nguyễn V, chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng N. Mã số doanh nghiệp: B có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư TP. Đà Nẵng cấp.

Địa chỉ: Số 70 đường H, phường T, quận H, TP.Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ, Giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu- TP Đà Nẵng, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng- thương mại vận tải - tư vấn H, ông Nguyễn V trình bày:*

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Thương mại vận tải – Tư vấn H có ký ba hợp đồng với Công ty N:

- Hợp đồng kinh tế số 0328/HĐKT/2014 ngày 28 tháng 03 năm 2014 về việc đào xúc đất và vận chuyển, cho thuê xe ủi, Lu.

- Hợp đồng kinh tế số 1105/HĐKT/2015 ngày 11.5.2015 về việc thuê thiết bị thi công (Xe đào SOOLAR 280 DOOSAN).

- Hợp đồng kinh tế số: 12 – 05 HĐKT/2015 ngày 12.5.2015 về việc thuê thiết bị thi công (Xe đào SOOLAR 290 1.2 m³).

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31.5.2014 của Hợp đồng kinh tế số 0328/HĐKT/2014, số tiền Công ty N xác nhận còn nợ đơn vị chúng tôi là: 218.814.400 đồng. Sau đó, Công ty N có trả 10.000.000đ, hiện nay còn nợ lại số tiền 208.814.400 đồng. Theo quy định của pháp luật và theo hợp đồng thỏa thuận, nếu Công ty N không trả theo đúng cam kết thì phải chịu lãi phát sinh. Như vậy, số tiền lãi từ ngày 01.6.2014 đến 01.9.2017 đơn vị chúng tôi tính là:

$208.814.400 \times 14,4\%/năm/365 \text{ ngày} \times 1.186 \text{ ngày} = 97.704.543 \text{ đồng}$

Theo Giấy xác nhận thuê hai xe đào ngày 10.08.2015 của Hợp đồng kinh tế số 1105/HĐKT/2015 và Hợp đồng kinh tế số 12-05/HĐKT/2015, số tiền Công ty N còn nợ chúng tôi là: 241.666.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 11.8.2015 đến 01.9.2017 là:

$241.666.000đ \times 14,4\%/năm/365 \text{ ngày} \times 750 \text{ ngày} = 63.517.610 \text{ đồng}$

Như vậy, tổng số tiền Công ty N phải thanh toán cho chúng tôi bao gồm cả gốc và lãi là: 611.702.553đ (208.814.400 đồng + 241.666.000 đồng + 97.704.543đồng + 63.517.610đồng = 611.702.553đ)

Phía Công ty H đã nhiều lần đề nghị Công ty N phải thanh toán số tiền trên nhưng Công ty N vẫn không thanh toán, gây khó khăn cho hoạt động của Công ty H

Vì vậy, Công ty H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, buộc Công ty N phải thanh toán số tiền còn nợ và thanh toán tiền lãi đến ngày 01/9/2017 tổng cộng là 611.702.553đ và lãi đến khi giải quyết xong để Công ty H không bị thiệt hại.

** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có bản khai.*

** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều*

290,489 BLDS năm 2005 và Điều 306 Luật thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy: Nguyên đơn Công ty TNHH đầu tư xây dựng- thương mại vận tải - tư vấn H (sau đây gọi là Công ty H) khởi kiện bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn N (sau đây gọi là Công ty N) về việc yêu cầu thanh toán công nợ phát sinh từ hợp đồng đào xúc đất, vận chuyển và cho thuê thiết bị còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và đây là quan hệ phát sinh từ hoạt động của hai doanh nghiệp mà bị đơn có trụ sở tại địa bàn quận Hải Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Xác định tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy: Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2017 tại Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện, bị đơn Công ty N và những thành viên góp vốn của Công ty là ông Nguyễn Văn Đ- Giám đốc và ông Phan Tứ L đều có cùng địa chỉ tại: số 70 đường H, phường T, quận H, TP. Đà Nẵng, hiện Công ty vẫn chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chưa làm thủ tục giải thể, phá sản. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh tại Công an phường Thanh Bình ngày 20/01/2017 thì hiện nay Công ty N, ông Nguyễn Văn Đ- Giám đốc và ông Phan Tứ L không còn ở địa chỉ trên nên Tòa án nhân dân quận H- TP Đà Nẵng không thể cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng được. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện việc cấp, tổng đạt được và niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Đồng thời, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến ngày xét xử, đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa (vắng lần thứ hai) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Công ty N (Bên A: Bên giao thầu hoặc bên thuê thiết bị) và Công ty H (Bên B: Bên nhận thầu hoặc bên cho thuê thiết bị) có cùng nhau ký 03 hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 0328/HĐKT/2014 ngày 28/3/2014 về việc “Đào xúc đất và vận chuyển, cho thuê xe ủi, lu”, theo hợp đồng bên A đồng ý giao cho bên B đào xúc đất và vận chuyển đất san lấp tại công trường dự án Khu công nghệ thông tin TP Đà Nẵng, bên B tự cung cấp xe đào và xe vận chuyển, vận chuyển đất đi đổ đúng nơi theo yêu cầu của bên A. Khối lượng công việc hoàn thành sẽ được xác nhận thực tế. Bên B phải thực hiện công việc theo đúng yêu cầu của giám sát bên

A tại công trường, đơn giá: đào và xúc đất lên xe 11.500đ/m³, cho thuê xe ủi D31 Kumatsu: 2.200.000đ/1ca, cho thuê xe lu 12 tấn Sakai: 1.760.000đ/ca; Tổng giá trị hợp đồng là 1.546.000.000đ. Thời hạn thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

- Hợp đồng số 1105/HĐKT/2015 ngày 11/5/2015 về việc “Thuê thiết bị thi công”, theo hợp đồng bên A thuê thiết bị máy đào Solar 280 (DooSan) để thi công công trình tại huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam, thời gian bắt đầu từ ngày 12/5/2015 và kết thúc ngày 12/8/2015; đơn giá 50.000.000đ/tháng, tổng giá trị hợp đồng là 150.000.000đ. Khối lượng được tính theo dõi giờ làm việc 7h/1ca, giờ làm việc được tính từ khi đề máy đến khi tắt máy kể cả thời gian di chuyển, trong tháng máy làm việc trong phạm vi từ 15 đến 24 ca nếu làm việc nhiều hơn thì được tính thêm 1 ca là: 2.083.000đồng. Thời hạn thanh toán vào cuối tháng.

- Hợp đồng số 12-05/HĐKT/2015 ngày 12/5/2015 về việc “ Thuê thiết bị thi công”, theo hợp đồng bên A thuê thiết bị máy đào Sola 290 (1,2m³) để thi công công trình tại huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam, thời gian bắt đầu từ ngày 13/5/2015 và kết thúc ngày 13/8/2015. Đơn giá 50.000.000đ/tháng, tổng giá trị hợp đồng là 150.000.000đ; Khối lượng được tính theo dõi giờ làm việc 7h/1ca, giờ làm việc được tính từ khi đề máy đến khi tắt máy kể cả thời gian di chuyển, trong tháng máy làm việc trong phạm vi từ 15 đến 24 ca nếu làm việc nhiều hơn thì được tính thêm 1 ca là: 2.083.000đồng. Thời hạn thanh toán vào cuối tháng.

[2.2] Xét Hợp đồng số 0328/HĐKT/2014 ngày 28/3/2014 thì thấy, bên B đã thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng là đào xúc đất và vận chuyển đất san lấp tại công trường dự án Khu công nghệ thông tin TP Đà Nẵng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên A và bên B đã cùng nhau ký xác nhận vào hồ sơ thanh toán khối lượng, biên bản đối chiếu công nợ. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2014 thể hiện, Bên A Công ty N còn phải thanh toán cho bên B Công ty H tính đến ngày 31/5/2014 số tiền là 218.814.400đ.

[2.3] Xét hai hợp đồng: Số 1105/HĐKT/2015 ngày 11/5/2015 và số 12-05/HĐKT/2015 ngày 12/5/2015 về cho thuê tài sản là xe đào Solar 280 (DooSan) và xe đào Sola 290 (1,2m³) thì thấy, tại Giấy xác nhận thuê xe đào ngày 10/8/2015, đại diện bên thuê là ông Nguyễn Văn Đ- Giám đốc Công ty N đã xác nhận thời gian thuê xe là 04 tháng 25 ngày x 50.000.000đ/ngày thành tiền là 241.666.000đ.

[2.4] Như vậy, theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2014 và Giấy xác nhận thuê xe đào ngày 10/8/2015 cho thấy, Công ty N còn nợ Công ty H số tiền: 218.814.400đ + 241.666.000đ = 460.480.400đ. Tuy nhiên, đến ngày 12/5/2015, Công ty N đã trả cho Công ty H số tiền 10.000.000đ nên hiện nay số tiền Công ty N còn nợ Công ty H là 450.480.400đ. Việc Công ty N không trả nợ cho Công ty H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng được ký giữa các bên. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 290 và Điều 489 Bộ luật dân sự năm 2005 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty H, buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty H số tiền còn nợ là 450.480.400đ.

[2.5] Xét yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn thì thấy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền

hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty H buộc Công ty N phải thanh toán số tiền lãi phát sinh là từ ngay sau ngày đối chiếu công nợ đến ngày 01/9/2017 với mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là $9,6\%/năm \times 150\% = 14,4\%/năm$, số tiền lãi tổng cộng là: 161.222.153đ, cụ thể như sau:

$208.814.400đ \times 14,4\%/năm/365 \text{ ngày} \times 1.186 \text{ ngày} = 97.704.543đ$

$241.666.000đ \times 14,4\%/năm/365 \text{ ngày} \times 750 \text{ ngày} = 63.517.610đ$

[2.6] Như vậy, tổng cộng hai khoản nợ Công ty N phải thanh toán cho Công ty H là 611.702.553đ, trong đó gồm nợ gốc là: 450.480.400đ và nợ tiền lãi đến ngày 01/9/2017 là: 161.222.153đ.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn là Công ty N phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 28.468.102đ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên quyết định

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 290, 489 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật thương mại;

Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng- Thương mại vận tải - Tư vấn Hòa Thuận đối với Công ty N. **Tuyên xử:**

1. Buộc Công ty N phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng- Thương mại vận tải - Tư vấn H số tiền tổng cộng là **611.702.553đ** (Sáu trăm mười một triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, năm trăm năm mươi ba đồng), trong đó gồm:

+ Nợ gốc là: 450.480.400đ

+ Nợ lãi: 161.222.153đ

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 28.468.102đ .

- Công ty TNHH đầu tư xây dựng- Thương mại vận tải - Tư vấn H không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng- Thương mại vận tải - Tư vấn H số tiền 13.513.069đ theo biên lai thu số 0005631 ngày 06/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu-TP Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đó ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo